

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY THANH TRÌ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 22

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần May Thanh Trì (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Minh Tuấn	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 25/6/2012)
Ông Nguyễn Cự Tầm	Chủ tịch (Bỏ nhiệm ngày 13/8/2012)
Bà Nguyễn Thị Chiền	Chủ tịch (Từ ngày 25/6/2012 đến ngày 13/8/2012)
	Ủy viên
Ông Phạm Ngọc Thắng	Ủy viên
Bà Đào Mai Hương	Ủy viên
Bà Phan Thị Lương	Ủy viên

Ban Giám đốc

Bà Nguyễn Thị Chiền	Giám đốc
Bà Đào Mai Hương	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần May Thanh Trì có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Nguyễn Thị Chiền
Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
 Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
 Công ty Cổ phần May Thanh Trì

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần May Thanh Trì (gọi tắt là “Công ty”), bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh Báo cáo tài chính. Các Báo cáo tài chính được lập ngày 25 tháng 03 năm 2012 từ trang số 04 đến trang số 22 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ các yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần May Thanh Trì tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi xin lưu ý người đọc tới vấn đề sau:

Như đã nêu tại mục doanh thu tại thuyết minh số 3 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính: Công ty ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phù hợp với các quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 trên cơ sở hàng đã xuất và chuyển quyền sở hữu cho người mua hoặc dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Tuy nhiên, tại thời điểm kiểm toán toàn bộ hồ sơ hàng xuất khẩu tháng 12 của năm 2012 đang được Công ty chuyển cho Cơ quan quản lý Nhà nước để làm thủ tục thanh khoản theo quy định của pháp luật. Theo đó, doanh thu xuất khẩu tháng 12 năm 2012 được phản ánh trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh kèm theo của Công ty được xác định trên cơ sở hàng thực xuất kho và hóa đơn giá trị gia tăng phát hành.

Vũ Bình Minh

Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0034/KTV

Đoàn Thu Hằng

Kiểm toán viên

Chứng chỉ kiểm toán viên số 1396/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN PHÚ

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		13.241.978.238	11.594.595.885
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	3.635.888.312	1.027.415.583
1. Tiền	111		3.635.888.312	1.027.415.583
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.026.710.996	4.288.365.563
1. Phải thu của khách hàng	131	5	3.994.631.330	4.424.117.097
2. Trả trước cho người bán	132		25.513.812	257.682.612
5. Các khoản phải thu khác	135	6	400.996.400	996.400
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(394.430.546)	(394.430.546)
IV. Hàng tồn kho	140	7	3.656.262.825	3.971.380.962
1. Hàng tồn kho	141		3.697.868.395	3.971.380.962
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(41.605.570)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.923.116.105	2.307.433.777
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.721.385.141	2.166.159.420
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		201.730.964	141.274.357
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+260)	200		14.576.374.544	14.797.321.476
II. Tài sản cố định	220		14.086.826.838	14.590.384.238
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	4.609.144.618	5.382.344.238
- Nguyên giá	222		40.149.139.990	41.774.540.438
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(35.539.995.372)	(36.392.196.200)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	9.477.682.220	9.208.040.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		489.547.706	206.937.238
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	489.547.706	206.937.238
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		27.818.352.782	26.391.917.361

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		5.354.959.815	4.636.045.781
I. Nợ ngắn hạn	310		5.354.959.815	4.636.045.781
2. Phải trả cho người bán	312		429.026.183	789.597.477
3. Người mua trả tiền trước	313		5.448.303	5.448.303
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	121.513.786	359.940.787
5. Phải trả người lao động	315		3.579.884.348	2.660.139.058
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	12	947.311.478	648.161.026
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		271.775.717	172.759.130
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		22.463.392.967	21.755.871.580
I. Vốn chủ sở hữu	410	13	22.463.392.967	21.755.871.580
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		20.000.000.000	20.000.000.000
4. Cổ phiếu quỹ	414		(300.000.000)	(300.000.000)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		719.750.317	528.283.730
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		359.875.160	264.141.866
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.683.767.490	1.263.445.984
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		27.818.352.782	26.391.917.361

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
5. Ngoại tệ các loại USD		151.723,74	5.272,85

Nguyễn Thị Chiến
Giám đốc

Nguyễn Thị Thanh
Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	14	86.092.421.469	66.512.972.118
2. Các khoản giảm trừ	02	14	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	14	86.092.421.469	66.512.972.118
4. Giá vốn hàng bán	11	15	70.387.912.896	50.636.236.110
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		15.704.508.573	15.876.736.008
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	16	192.696.169	700.563.872
7. Chi phí tài chính	22	17	727.764.230	487.064.608
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		585.558.182	314.690.103
8. Chi phí bán hàng	24		1.773.344.744	1.597.737.907
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		11.609.405.556	12.277.132.858
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		1.786.690.212	2.215.364.508
11. Thu nhập khác	31	18	746.851.002	2.909.091
12. Chi phí khác	32	18	212.129.549	1.745.600
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	18	534.721.453	1.163.491
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.321.411.665	2.216.527.999
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	19	406.745.791	554.407.000
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		1.914.665.874	1.662.120.999
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	21	971,91	843,72

Nguyễn Thị Chiến
Giám đốc

Nguyễn Thị Thanh
Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2012	Năm 2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.321.411.665	2.216.527.999
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ	02	2.487.690.237	2.376.820.636
Các khoản dự phòng	03	41.605.570	158.308.513
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	40.011.413	33.806.902
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(551.990.879)	(252.673.778)
Chi phí lãi vay	06	585.558.182	314.690.103
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	4.924.286.188	4.847.480.375
Tăng (giảm) các khoản phải thu	09	632.048.476	(2.691.514.733)
Tăng (giảm) hàng tồn kho	10	273.512.567	606.322.148
Tăng (giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	791.595.248	482.892.449
Tăng (giảm) Chi phí trả trước	12	(282.610.468)	131.111.355
Tiền lãi vay đã trả	13	(585.558.182)	(314.690.103)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(413.363.492)	(208.064.048)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(92.450.000)	(129.540.309)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	5.247.460.337	2.723.997.134
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(2.173.723.296)	(9.308.507.728)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	689.521.000	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	52.060.338	253.319.378
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.432.141.958)	(9.055.188.350)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	24.320.981.828	-
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(24.320.981.828)	-
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.180.758.000)	(315.200.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.180.758.000)	(315.200.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (20+30+40)	50	2.634.560.379	(6.646.391.216)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.027.415.583	7.671.923.392
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(26.087.650)	1.883.407
Tiền và tương đương tiền cuối năm (50+60+61)	70	3.635.888.312	1.027.415.583

Nguyễn Thị Chiến
Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2013

Nguyễn Thị Thanh
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần May Thanh Trì (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được chuyển đổi (cổ phần hóa) từ Xí nghiệp May xuất khẩu Thanh Trì trực thuộc Công ty Sản xuất Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội theo Quyết định số 1397/QĐ - UBND ngày 18/04/2008 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội. Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103024083 ngày 24 tháng 04 năm 2008. Tên giao dịch Quốc tế của Công ty là THANH TRI GARMENT JOINT STOCK COMPANY.

Vốn Điều lệ của Công ty là 20.000.000.000 đồng, tương ứng 2.000.000 cổ phần, mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Trong đó:

- Cổ đông Nhà nước là Công ty Sản xuất Xuất nhập khẩu tổng hợp Hà Nội nắm giữ 1.060.000 cổ phần tương ứng với 10.600.000.000 đồng chiếm 53% vốn điều lệ;
- Các cổ đông khác nắm giữ 940.000 cổ phần tương ứng với 9.400.000.000 đồng chiếm 47% vốn điều lệ.

Trụ sở chính của Công ty tại Km số 11 Quốc lộ 1A, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 500 người (tại 31/12/2011: 505 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất, mua bán các mặt hàng dệt, may mặc, thêu, ren;
- Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ, hàng công nghiệp, khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm), hàng lương thực, thực phẩm;
- Mua bán vật tư, nguyên liệu, máy móc, thiết bị phụ tùng, phương tiện cho các ngành sản xuất công nghiệp, nông nghiệp (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật), may mặc;
- Mua bán, lắp ráp phương tiện vận tải, ô tô, xe máy, xe gắn máy và phụ tùng thay thế;
- Mua bán thiết bị, vật liệu trang trí nội, ngoại thất;
- Mua bán điện thoại và thiết bị điện, điện tử, thiết bị viễn thông;
- Kinh doanh bất động sản;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà ở, kho, bến bãi đỗ xe, siêu thị;
- Du lịch lữ hành quốc tế và nội địa;
- Dịch vụ các câu lạc bộ thể dục, thể thao, khu vui chơi giải trí (không bao gồm kinh doanh quán bar, karaoke, vũ trường);
- Khai thác, sản xuất và kinh doanh nước sạch;
- Mua bán, chế biến hàng nông, lâm, hải sản;
- Lập, quản lý và tổ chức thực hiện các dự án đầu tư xây dựng phát triển nhà, trung tâm thương mại, khách sạn, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, công trình công cộng, giao thông, văn hóa (không bao gồm thiết kế công trình);
- Giao nhận, chuyển phát hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách bằng ô tô (theo hợp đồng);
- Đào tạo, dạy nghề may, thêu, sửa chữa thiết bị điện, điện tử, thiết bị viễn thông (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Cung ứng, giới thiệu lao động trong nước (không bao gồm dịch vụ cung ứng, giới thiệu lao động cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn, bổ sung hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty sử dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Áp dụng hướng dẫn kế toán mới

Ngày 6/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Thông tư có hiệu lực áp dụng cho việc lập Báo cáo tài chính từ năm 2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 Thuyết minh số 23 kèm theo. Ban Giám đốc tin tưởng rằng việc áp dụng Thông tư 210 này không có ảnh hưởng trọng yếu đến việc đánh giá hay trình bày số liệu đang được phản ánh trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính hiện tại.

Ngày 24/10/2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC (“Thông tư 179”) thay thế cho Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 (“Thông tư 201”) quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Công ty đã áp dụng hướng dẫn của Thông tư số 179/2012/TT-BTC trong việc xử lý chênh lệch tỷ giá.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu được phân ánh theo giá trị có thể thực hiện được ước tính sau khi đã lập dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập trên cơ sở đánh giá của Ban Giám đốc đối với các khoản nợ có bằng chứng về việc không thể thu hồi được.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền đối với thành phẩm và theo phương pháp thực tế đích danh đối với nguyên vật liệu. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với các tài sản cố định đã được đánh giá lại theo quyết định của Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền thì nguyên giá tài sản cố định được xác định theo giá trị đã đánh giá lại.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định phù hợp với các quy định của Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	15
Máy móc, thiết bị	5
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	5
Tài sản cố định hữu hình khác	5

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí liên quan tới đầu tư xây dựng và chi phí lãi vay có liên quan trong thời kỳ đầu tư xây dựng cơ bản phù hợp với các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Việc tính khấu hao của các tài sản được hình thành từ đầu tư xây dựng này được áp dụng giống như các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái bắt đầu sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm: Giá trị của lợi thế địa lý và lợi thế kinh doanh được tạo ra trong quá trình xác định giá trị doanh nghiệp là Xí nghiệp May xuất khẩu Thanh Trì để cổ phần hóa theo phương pháp tài sản, giá trị công cụ, dụng cụ, chi phí thuê văn phòng, kho, thuê cửa hàng và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty trong thời hạn từ một năm trở lên.

- Giá trị lợi thế địa lý và lợi thế kinh doanh được phân bổ vào Kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian 5 năm kể từ khi Công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động với chi phí phân bổ hàng năm là 41.271.068 đồng.
- Công cụ, dụng cụ: phân bổ 50% giá trị vào Kết quả hoạt động kinh doanh khi xuất dùng và phân bổ nốt 50% giá trị còn lại khi báo hỏng.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất thực tế theo thông báo của ngân hàng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi ra VND theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Ngày 24/10/2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 179/2012/TT-BTC quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Công ty đã áp dụng hướng dẫn của Thông tư này trong việc xử lý chênh lệch tỷ giá cuối kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất là 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Năm 2012 Công ty được giảm 30% chi phí thuế TNDN theo Thông tư số 140/2012/TT-BTC ngày 21/08/2012 hướng dẫn Nghị định số 60/2012/NĐ-CP ngày 30/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành nghị quyết số 29/2012/QH13 của Quốc hội về ban hành một số chính sách thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và cá nhân.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế có thể khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, không có khoản tài sản hoặc công nợ nào được ghi nhận do không có các khoản chênh lệch tạm thời đáng kể nào giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	344.750.088	645.033.413
Tiền gửi ngân hàng	3.291.138.224	382.382.170
Cộng	<u>3.635.888.312</u>	<u>1.027.415.583</u>

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Grow Faith	324.644.786	1.786.585.434
Magnum HK Ltd	158.308.513	158.308.513
Prosport	1.845.880.354	935.857.859
Brighten	236.122.033	236.122.033
MANUFACTURER SEOUL APPAREL CO., LTD	1.397.841.644	1.185.599.534
Ami	-	108.472.224
Phải thu khác	-	13.171.500
Công ty may Liên doanh Kyung Viet	31.834.000	-
Cộng	<u>3.994.631.330</u>	<u>4.424.117.097</u>

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Phải thu khác	996.400	996.400
Nhà máy Dệt kim Haprosimex (*)	400.000.000	-
Cộng	<u>400.996.400</u>	<u>996.400</u>

(*): Khoản cho Nhà máy Dệt kim Haprosimex vay, không tính lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

7. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	226.554.753	317.172.241
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.624.212.742	3.196.044.362
Thành phẩm	846.523.017	457.586.476
Hàng hoá	577.883	577.883
Cộng	<u>3.697.868.395</u>	<u>3.971.380.962</u>
<i>Dự phòng giảm giá hàng tồn kho</i>	<i>(41.605.570)</i>	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của HTK	<u>3.656.262.825</u>	<u>3.971.380.962</u>

Giá trị nguyên liệu, vật liệu tồn kho không bao gồm giá trị của các loại nguyên vật liệu nhận gia công trên số dư khoản mục “Hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công”.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại 01/01/2012	7.288.821.723	28.381.129.337	3.577.164.301	643.824.120	1.883.600.957	41.774.540.438
Tăng trong năm	-	1.813.315.440	-	90.765.636	-	1.904.081.076
Mua sắm mới	-	1.813.315.440	-	90.765.636	-	1.904.081.076
Giảm trong năm	-	2.778.670.810	750.810.714	-	-	3.529.481.524
Thanh lý, nhượng bán	-	2.778.670.810	750.810.714	-	-	3.529.481.524
Tại 31/12/2012	7.288.821.723	27.415.773.967	2.826.353.587	734.589.756	1.883.600.957	40.149.139.990
KHẤU HAO LŨY KẾ						
Tại 01/01/2012	6.826.791.594	24.737.932.618	2.521.642.863	516.408.215	1.789.420.910	36.392.196.200
Tăng trong năm	41.069.345	2.045.946.365	266.782.263	58.548.226	75.344.038	2.487.690.237
Khấu hao trong năm	41.069.345	2.045.946.365	266.782.263	58.548.226	75.344.038	2.487.690.237
Giảm trong năm	-	2.682.458.467	657.432.598	-	-	3.339.891.065
Thanh lý, nhượng bán	-	2.682.458.467	657.432.598	-	-	3.339.891.065
Tại 31/12/2012	6.867.860.939	24.101.420.516	2.130.992.528	574.956.441	1.864.764.948	35.539.995.372
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2012	462.030.129	3.643.196.719	1.055.521.438	127.415.905	94.180.047	5.382.344.238
Tại 31/12/2012	420.960.784	3.314.353.451	695.361.059	159.633.315	18.836.009	4.609.144.618

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2012 là 2.775.989.047 đồng (Tại ngày 31/12/2011: 2.470.179.523 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Chi phí xây dựng hạ tầng nhà máy cụm Công nghiệp Quất Động (*)	9.477.682.220	9.208.040.000
Cộng	<u>9.477.682.220</u>	<u>9.208.040.000</u>

(*): Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là các chi phí liên quan đến việc đầu tư xây dựng nhà máy mới của Công ty để mở rộng sản xuất tại cụm công nghiệp Quất Động, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	206.937.238	338.048.593
Tăng	2.492.880.255	1.696.075.108
Phân bổ vào chi phí trong năm	2.210.269.787	1.827.186.463
Tại ngày 31 tháng 12	<u>489.547.706</u>	<u>206.937.238</u>

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	90.229.071	335.782.127
Thuế thu nhập cá nhân	31.284.715	24.158.660
Cộng	<u>121.513.786</u>	<u>359.940.787</u>

12. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý	53.929.500	-
Kinh phí công đoàn	420.806.875	19.564.005
Bảo hiểm xã hội	171.731.680	343.148.380
Các khoản phải trả khác	300.843.423	285.448.641
Cộng	<u>947.311.478</u>	<u>648.161.026</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2011	20.000.000.000	(300.000.000)	(16.680.432)	181.035.816	362.071.630	332.055.235	20.558.482.249
Tăng trong năm	-	-	44.830.432	83.106.050	166.212.100	1.662.120.999	1.956.269.581
- Lợi nhuận phát sinh trong năm	-	-	-	-	-	1.662.120.999	1.662.120.999
- Trích quỹ	-	-	-	83.106.050	166.212.100	-	249.318.150
- Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	-
- Chênh lệch tỷ giá	-	-	44.830.432	-	-	-	44.830.432
Giảm trong năm	-	-	28.150.000	-	-	730.730.250	758.880.250
- Trích quỹ	-	-	-	-	-	415.530.250	415.530.250
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	315.200.000	315.200.000
- Chênh lệch tỷ giá	-	-	28.150.000	-	-	-	28.150.000
Số dư tại ngày 31/12/2011	20.000.000.000	(300.000.000)	-	264.141.866	528.283.730	1.263.445.984	21.755.871.580
Tăng trong năm	-	-	-	95.733.294	191.466.587	2.080.987.974	2.368.187.855
- Lợi nhuận phát sinh trong năm	-	-	-	-	-	1.914.665.874	1.914.665.874
- Trích quỹ	-	-	-	95.733.294	191.466.587	-	287.199.881
- Tăng khác	-	-	-	-	-	166.322.100	166.322.100
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	1.660.666.468	1.660.666.468
- Trích quỹ	-	-	-	-	-	478.666.468	478.666.468
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	1.182.000.000	1.182.000.000
- Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2012	20.000.000.000	(300.000.000)	-	359.875.160	719.750.317	1.683.767.490	22.463.392.967

Lợi nhuận sau thuế năm 2012 được tạm trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định liên quan, như sau:

- Quỹ đầu tư phát triển : 191.466.587 đồng, tương ứng 10% lợi nhuận sau thuế
- Quỹ dự phòng tài chính : 95.733.294 đồng, tương ứng 5% lợi nhuận sau thuế
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi : 191.466.587 đồng, tương ứng 10% lợi nhuận sau thuế

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2012 ngày 28/04/2012, lợi nhuận để lại năm 2011 được chia cho các cổ đông tương ứng 06% vốn điều lệ, tương đương 1.182.000.000 đồng. Đến thời điểm 31/12/2012, Công ty đã thanh toán tiền cổ tức cho các cổ đông, số tiền 1.180.758.000 đồng.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Vốn góp của Nhà nước	53%	10.600.000.000	10.600.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	47%	9.400.000.000	9.400.000.000
Cộng		20.000.000.000	20.000.000.000

14. DOANH THU

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu bán hàng	86.092.421.469	66.512.972.118
	86.092.421.469	66.512.972.118
<i>Các khoản giảm trừ doanh thu</i>	-	-
Doanh thu thuần	86.092.421.469	66.512.972.118

15. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giá vốn hàng bán	70.387.912.896	50.636.236.110
Cộng	70.387.912.896	50.636.236.110

16. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	52.060.338	253.319.378
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	140.472.991	445.393.378
Lãi chênh lệch tỉ giá hối đoái chưa thực hiện	162.840	1.851.116
Cộng	192.696.169	700.563.872

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

17. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền vay	585.558.182	314.690.103
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	102.031.795	136.666.487
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	40.174.253	35.708.018
Cộng	727.764.230	487.064.608

18. LỢI NHUẬN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	689.521.000	2.909.091
Thu nhập khác	57.330.002	-
Cộng	746.851.002	2.909.091
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	189.590.458	645.600
Chi phí khác	22.539.091	1.100.000
Cộng	212.129.549	1.745.600
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	534.721.453	1.163.491

19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	2.321.411.665	2.216.527.999
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	2.850.000	1.100.000
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	2.850.000	1.100.000
Thu nhập chịu thuế	2.324.261.665	2.217.627.999
Thuế suất thông thường	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	581.065.416	554.407.000
Giảm 30% thuế TNDN (*)	(174.319.625)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	406.745.791	554.407.000

(*) Theo Thông tư số 140/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn việc giảm thuế TNDN cho các Doanh nghiệp theo chỉ đạo của Chính phủ, Công ty thuộc đối tượng được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2012.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

20. CỔ PHIẾU

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	2.000.000	2.000.000
<i>Cổ phiếu thường</i>	<i>2.000.000</i>	<i>2.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu mua lại	30.000	30.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.970.000	1.970.000
<i>Cổ phiếu thường</i>	<i>1.970.000</i>	<i>1.970.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Mệnh giá cổ phiếu (đồng)	10.000	10.000

21. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
Lợi nhuận sau thuế	1.914.665.874	1.662.120.999
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ	1.970.000	1.970.000
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.914.665.874	1.662.120.999
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>971,91</u>	<u>843,72</u>

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	30.040.495.612	19.415.507.329
Chi phí nhân công	38.719.417.725	31.442.629.241
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.487.690.238	2.376.820.636
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.483.808.189	9.070.815.611
Chi phí khác bằng tiền	3.073.559.488	2.329.322.116
Cộng	<u>83.804.971.252</u>	<u>64.635.094.933</u>

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 03.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền	3.635.888.312	1.027.415.583
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.001.197.184	4.030.682.951
Tổng cộng	7.637.085.496	5.058.098.534
Công cụ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	729.869.606	1.075.046.118
Tổng cộng	729.869.606	1.075.046.118

Ngoài việc thực hiện các biện pháp dự phòng rủi ro theo hướng dẫn hiện hành của Bộ Tài chính đối với các khoản phải thu khó đòi, các khoản đầu tư bị tổn thất, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc giá trị của dòng tiền tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động do sự biến động về giá trên thị trường. Rủi ro thị trường bị ảnh hưởng bởi các loại: Rủi ro tỷ giá ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá cả khác. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất trên thị trường. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá ngoại tệ

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	7.122.899.387	4.520.768.517	-	-

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất liên quan đến dòng tiền là rủi ro khi dòng tiền trong tương lai của công cụ tài chính diễn biến bất thường do những biến động của lãi suất thị trường. Công ty chịu rủi ro lãi suất chủ yếu phát sinh từ các khoản cho vay hưởng lãi suất, các khoản đi vay chịu lãi suất đã được ký kết do các Hợp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

đồng vay vốn được qui định theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng chiến lược phân tích và dự báo thị trường, lựa chọn thời điểm và ngân hàng phù hợp, duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty quản lý rủi ro này bằng cách xây dựng chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không để có biện pháp thu hồi công nợ cũng như đưa ra phương án dự phòng rủi ro phù hợp.

Rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát được tương ứng với nguồn vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh (bao gồm cả gốc và lãi) và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận và được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính.

31/12/2012	Dưới 1 năm	Dưới 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND

Phải trả người bán và phải trả khác	729.869.606	-	729.869.606
-------------------------------------	-------------	---	-------------

31/12/2011	Dưới 1 năm	Dưới 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND

Phải trả người bán và phải trả khác	1.075.046.118	-	1.075.046.118
-------------------------------------	---------------	---	---------------

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính (bao gồm cả lãi từ các tài sản đó, nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2012	Dưới 1 năm	Dưới 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND

Tiền	3.635.888.312	-	3.635.888.312
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.001.197.184	-	4.001.197.184

31/12/2011	Dưới 1 năm	Dưới 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND

Tiền	1.027.415.583	-	1.027.415.583
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.030.682.951	-	4.030.682.951

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Đo lường theo giá trị Hợp lý

Các tài sản tài chính và công nợ tài chính của Công ty đang được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá tài sản. Do vậy giá trị ghi sổ của các khoản tài sản tài chính và công nợ tài chính của Công ty có thể khác biệt với giá trị hợp lý (theo giá thị trường).

Hiện tại, Công ty chưa thực hiện xác định giá trị Hợp lý của tất cả các tài sản tài chính và công nợ tài chính của mình do đang chờ Bộ Tài chính có văn bản hướng dẫn việc xác định và trình bày giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính.

24. SỐ DƯ VÀ NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm 2012, Công ty đã có các giao dịch quan trọng với bên liên quan sau:

	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
	VND	VND
Cổ tức đã trả		
Công ty TNHH MTV Haprosimex	636.000.000	-
Số dư với các bên liên quan		
	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Phải thu khác		
Nhà máy Dệt kim Haprosimex	400.000.000	-

25. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm hoạt động kết thúc ngày 31/12/2012.

26. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh được lấy trên Báo cáo kiểm toán năm 2012 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Phú.

Nguyễn Thị Chiến
Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2013

Nguyễn Thị Thanh
Kế toán trưởng